

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỨ KỲ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 25 – 12 – 2024.

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Mỹ Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Đức.
2. Bà Nguyễn Thị Hải Yến.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Anh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh, kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 361/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thanh N, sinh năm 199z; Địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện TL, thành phố Hải Phòng.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức L, sinh năm 199x; Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện TK, tỉnh Hải Dương.

(Chị N và anh L đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn, chị Lê Thị Thanh N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đức L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện TK, tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/02/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống không hòa hợp nhau, vợ chồng không tôn trọng, chia sẻ cùng nhau nên chị

đã về nhà bố mẹ đẻ sống và sống ly thân với anh L cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L .

Về con chung: Chị và anh L có hai con chung là Nguyễn Đức B, sinh ngày 04/11/201x và Nguyễn Bảo A, sinh ngày 28/7/201x. Hai con chung đang sống với anh L . Chị N đồng ý anh L trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Trường hợp anh L yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, chị cũng đồng ý.

Về tài sản chung và nợ chung, tài sản riêng, nợ riêng: Vợ chồng không có, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai tại Tòa án ngày 05/12/2024, bị đơn, anh Nguyễn Đức L trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị N tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện TK, tỉnh Hải Dương vào năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019, sau khi sinh con thứ hai được 02 tháng thì chị N tự ý bỏ chồng, bỏ con đi, không rõ đi đâu. Anh liên lạc gọi chị N về nhưng chị không về và vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay. Giữa anh và chị N không có mâu thuẫn trầm trọng nhưng vợ chồng sống ly thân trong thời gian dài, không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên chị N yêu cầu ly hôn thì anh cũng nhất trí ly hôn với chị N .

Về con chung: Anh và chị N có hai con chung là Nguyễn Đức B, sinh ngày 04/11/201x và Nguyễn Bảo A, sinh ngày 28/7/201x. Hai con chung sống với anh từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay anh L đề nghị được nuôi hai con chung và tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu và ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 238; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N , xử cho chị N được ly hôn với anh L ; Tiếp tục giao hai con chung Nguyễn Đức B , sinh ngày 04/11/201x và Nguyễn Bảo A, sinh ngày 28/7/201x cho anh L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi; Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Chấp nhận tự nguyện của anh L về việc không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi

con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Thanh N và anh Nguyễn Đức L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, giữ nguyên nội dung trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với các đương sự tại phiên tòa.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Thanh N và anh Nguyễn Đức L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện TK, tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/02/2014 nên hôn nhân giữa chị N và anh L là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ khoảng năm 2020 cho đến nay và chị N yêu cầu ly hôn với anh L. Xét yêu cầu của chị N, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị N cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp, không chia sẻ với nhau nên chị đã về nhà bố mẹ để sống từ năm 2020 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn. Anh L cho rằng từ sau khi sinh con thứ hai được 02 tháng thì chị N đã bỏ đi, vợ chồng không còn chung sống với nhau, anh L cũng xác định hiện tại anh không còn tình cảm và anh cũng đồng ý ly hôn với chị. Điều này cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh L không còn, hiện tại chị N, anh L không ai còn mong muốn tiếp tục chung sống với nhau, tiếp tục cùng nhau xây dựng gia đình, mục đích hôn nhân giữa chị N và anh L không thể đạt được nên chị N yêu cầu ly hôn với anh L là có căn cứ, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị N, xử cho chị N được ly hôn với anh L.

[3] Về con chung: Chị N và anh L có hai con chung là Nguyễn Đức B, sinh ngày 04/11/201x và Nguyễn Bảo A, sinh ngày 28/7/201x. Hiện hai con chung đang sống với anh L. Anh L đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị N và anh L đều xác định từ sau khi vợ chồng sống ly thân, hai con chung do anh L chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh L cung cấp đơn đề nghị của cháu Nguyễn Đức B thể hiện cháu có nguyện vọng muốn sống cùng với anh L. Anh L cung cấp văn bản thể hiện hiện tại anh có việc làm, thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Bên cạnh đó, chị N cũng đồng ý anh L tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định và sự phát triển toàn diện của hai con chung, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, tiếp tục giao hai con chung của chị N và anh L cho anh L nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh L về việc không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Chị Lê Thị Thanh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị Thanh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội vềán phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về ...án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Thanh N . Xử cho chị Lê Thị Thanh N được ly hôn với anh Nguyễn Đức L .

2. Về con chung: Anh Nguyễn Đức L được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung Nguyễn Đức B, sinh ngày 04/11/201x và Nguyễn Bảo A, sinh ngày 28/7/201x cho đến khi hai con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) (hai con chung đang sống với anh L). Chấp nhận sự tự nguyện của anh L về việc không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Thanh N phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai số 0005773 ngày 28 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị Lê Thị Thanh N và anh Nguyễn Đức L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã N, huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Mỹ Như